

ĐẠI HỘI (Hội nghị):

.....

(Đóng dấu cấp ủy)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm 20

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | | Quê quán | Ngày vào Đảng | Trình độ | | | Chức vụ, nơi công tác | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------|-----------|----|----------|---------------|----------|------------|-------------------|-----------------------|---------|
| | | | Nam | Nữ | | | Học vấn | Chuyên môn | Lý luận chính trị | | |
| 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Họ và tên ghi như giấy khai sinh.

- Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh.

- Quê quán: ghi xã, huyện và tỉnh.

- Ngày vào Đảng: ghi ngày vào Đảng chính thức.

- Trình độ học vấn: ghi trình độ học vấn cao nhất (tiểu học/ trung học cơ sở/ trung học phổ thông hệ 10/10, hệ 12/12).

- Trình độ chuyên môn: ghi trình độ chuyên môn cao nhất (sơ cấp/trung cấp chuyên nghiệp/cao đẳng/cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ).

- Trình độ lý luận chính trị: ghi trình độ lý luận chính trị cao nhất (sơ cấp/trung cấp/cao cấp/cử nhân).

- Chức vụ, nơi công tác: ghi chức vụ đảng, chính quyền cao nhất và nơi đang công tác.